

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-4-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nụ.

2. Bà Hoàng Thị Len.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng N** - Sinh năm 1998.

ĐKKHKT: Thôn 7, xã VT, huyện KX, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Minh T** - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 7, xã VT, huyện KX, tỉnh TB.

(Chị N, anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện KX, tỉnh TB ngày 21/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và tháng 6/2019, chị cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Tại Đài Loan, vợ chồng chung sống và làm việc gần nhau nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp. Đến tháng 7/2022, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Tháng 8/2022 anh T về Việt Nam vợ chồng không còn liên lạc, nói chuyện với nhau. Tháng 9/2022, chị N hết hạn hợp đồng về Việt Nam để làm thủ tục sang Đài Loan du học, tháng 11/2022 chị sang Đài Loan du học và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

Chị và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 06/02/2018, hiện nay con L đang ở cùng anh T. Ly hôn chị và anh T thỏa thuận đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh Nguyễn Minh T không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện KX, tỉnh TB ngày 21/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2018 và tháng 6/2019 anh và chị N lần lượt đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tại Đài Loan, vợ chồng chung sống và làm việc gần nhau nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tháng 8/2022 anh về Việt Nam, anh và chị N không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 06/02/2018, hiện nay con L đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Nguyễn Minh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện KX, tỉnh TB ngày 21/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 và tháng 6/2019, anh T và chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình vợ chồng chung sống tại Đài Loan thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tháng 8/2022 anh T về Việt Nam, hai bên không liên lạc, quan tâm đến nhau và sống ly thân tự liệu lo liệu cuộc sống riêng từ tháng 11/2022. Nay chị N xin ly hôn, anh T đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Minh T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 06/02/2018, hiện nay anh T đang nuôi con chung. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi con chị N nhất trí và hai bên đề nghị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Tùng L, sinh ngày 06/02/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005620 ngày 23/3/2023 (do bà Đỗ Thị L nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Nguyễn Minh T. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- UBND xã VT, h. KX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo